TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-ST
Ngày: 10 - 7 – 2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng xây dựng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông: Dương Đức Bản.
Ông: Trần Xuân Văn.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga - Thư ký TAND thành phố Đồng Hới.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân TP. Đồng Hới xét xử sơ thẩm công khai vụ án án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 47/2019/TLST-KDTM ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng xây dựng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2000/QĐXXST-KDTM ngày 25/5/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-KDTM ngày 12/6/2020, Thông báo mở lại phiên tòa số 52/TBXXTA ngày 26/6/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần W Việt Nam; địa chỉ: Số y, Ngõ x đường L, phường L, quận Đ, TP Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Lê Quỳnh H - Giám đốc Công ty; Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Quốc H - Phó giám đốc. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần Đầu tư V; địa chỉ: Thôn M, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Minh N - Tổng giám đốc. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh Đ, Phòng giao dịch Q, Địa chỉ: Tầng x nhà n Làng Q, phường D, Quận C, TP. Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2019, bổ sung tại bản tự khai, biên bản hòa giải không thành và tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn Công ty Cổ phần W Việt Nam trình bày:

Ngày 28/6/2019, Công ty cổ phần W Việt Nam (sau gọi tắt là công ty W) có ký hợp đồng số: 2806/2012/HĐXD/V BT với Công ty cổ phần đầu tư V (sau đây

gọi là công ty V) về việc thi công hoàn thiện trần thạch cao và sơn bã (sơn tít) nội ngoại thất công trình P Hotel Quảng Bình có địa chỉ tại đường Q (sát cạnh khách sạn V) với thời gian thi công là 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Sau đó Công ty W đã nhận bản vẻ 02 phòng mẫu (tại RowA, RowC) và tiến hành thi công hai phòng mẫu này (mỗi phòng 02 mẫu) chờ chủ đầu tư phê duyệt. Khi có sự đồng ý của Công ty V, Công ty W đã tập kết vật liệu và công nhân, tiến hành thi công đại trà (mặc dù theo điều 9 của Hợp đông, bên A Công ty V có nghĩa vụ bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công của từng sàn cho bên B nhưng vì lý do tiến bộ và yêu cầu của Công ty V, Công ty W vẫn đồng ý cho tiến hành thi công đại trà). Ngày 23/8/2019, công ty V gửi công văn đề nghị Công ty W bổ sung nhân lực, tuy nhiên vì mặt bằng không đủ điều kiện thi công hoặc có nhưng quá ít, Công ty W đã có công văn số 2408/CV – CT để phúc đáp đề nghị của Công ty V trong đó có khẳng định đề cập đến các vấn đề vướng mắc như chưa đủ hồ sơ, bản vẽ (của các mẫu phòng khác ngoài 02 mẫu đã thi công xong) và các thay đổi tại hiện trường. Công ty W cũng đề nghị Công ty V hoàn thiện hồ sơ bản vẽ và bàn giao mặt bằng. Sau đó các bên tiếp tục tiến hành công việc và Công ty W chỉ nhận được mặt bằng thi công phía ngoài nhà 05 tầng (từ tầng 03 trở lên). Ngày 23/9/2019, Công ty V tự ý gửi Công văn số 10/VBS - KHĐT đề nghị gia hạn hợp đồng và gia hạn thư bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Lúc này, mặc dù không muốn tiếp tục triển khai thi công và thực hiện hợp đồng nhưng vì công ty V chưa ký hồ sơ thanh toán và xác nhận khối lượng thi công thực tế tại công trường nên Công ty W miễn cưỡng đồng ý, các bên tiến hành ký phụ lục 02. Bên cạnh đó, để đảm bảo đáp ứng tiến độ, Công ty W đã cử đại diện là bà Lê Mai D - Phó giám đốc cùng làm việc với ban điều hành công trình, đại diện là ông Phan Trung T - Giám đốc ban dưới sự chứng kiến của đại diện công ty V và cùng lập biên bản làm việc về việc bàn giao mặt bằng và tiến độ thi công; biên bản đề ngày 29/9/2019 có ghi rõ các mốc thời gian bàn giao, vị trí bàn giao và trách nhiệm các bên cùng quy chế thưởng phạt rõ ràng. Quá trình sau đó, Công ty V liên tục gửi công văn đề nghị tăng cường nhân sự nhưng các công văn này chỉ mang ý kiến chủ quan của Công ty V mà không có tính thực tế, tại hiện trường đến tận thời điểm ngày 09/11/2019 (thời điểm công ty V tự ý lập biên bản làm việc về việc tiến độ thi công) Công ty W chưa nhận được mặt bằng theo biên bản làm việc ngày 29/9/2019. Điều này cũng được thể hiện trong chính nội dung biên bản làm việc ngày 09/11/2019 mà Công ty V tự ý lập và gửi đề nghị Công ty W xác nhận. Tất cả các yêu cầu của Công ty V đã được Công ty W trả lời rõ ràng tại công văn số 1311A/CV - CT ngày 13/11/2019 và do không nhận được công văn trả lời của Công ty V về ý kiến của Công ty W liên quan đến bản vẽ, mặt bằng thi công nên đến ngày 15/11/2019 Công ty W đã phải cho công nhân tạm nghỉ để chờ việc. Trong nội dung công văn số 1511/CV- CT ngày 15/11/2019, Công ty W đã khẳng định việc cho công nhân tạm nghỉ việc là do thiếu mặt bằng thi công và đề nghị Công ty V thanh toán các khoản tiên phát sinh 190.000.000 đồng do việc bên công ty V chậm bàn giao mặt bằng theo biên bản làm việc ngày 29/9/2019. Tiếp đó công ty W gửi tếp công văn số 1511/ CV-CT ngày 23/11/2019 đề nghị thanh toán số tiền trên nhưng công ty V không trả lời, không thanh toán mà ngang nhiên yêu cầu Ngân hàng S - Chi nhánh

Đ - PGD Q hoàn trả tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng. Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty W Việt Nam, Công ty W Việt Nam yêu cầu Công ty V thanh toán toàn bộ khối lượng mà Công ty W đã thi công thực tế tại Công trường sau khi trừ đi lần thanh toán đã được phê duyệt là 163.302.126 đồng; bồi thường các chi phí liên quan tới việc chậm bàn giao mặt bằng gây tổn hại về mặt kinh tế cho Công ty W số tiền: 190.000.000 đồng; tổng cộng số tiền 353.302.126 đồng và thanh lý hợp đồng số: 2806/2012/HĐXD/VBS - BT.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc bồi thường các chi phí liên quan tới việc chậm bàn giao mặt bằng gây tổn hại về mặt kinh tế cho Công ty W số tiền: 190.000.000 đồng.

Yêu cầu Tòa án cho thanh lý hợp đồng số: 2806/2012/HĐXD/VBS - BT buộc Công ty V phải thanh toán toàn bộ khối lượng mà Công ty W đã thi công thực tế tại Công trường đã được BĐH công trường và đại diện công ty V xác nhận nghiệm thu khối lượng (2 lần vào ngày 27/10/2019 và 02/11/2019) là 358.254.520 đồng (trong đó có khối lượng hoàn thành đã được phê duyệt đợt 1 là 214.952.442 đồng và đã thanh toán 193.457.155 đồng khấu trừ tạm ứng và khối lượng hoàn thành đã được nghiệm thu đợt 2 là 143.302.126 đồng nhưng Công ty V chưa duyệt thanh toán). Khấu trừ số tiền 350.000.000 đồng Công ty W đã được Công ty V cho tạm ứng buộc Công ty V phải trả số tiền còn thiếu.

* Đại diện theo pháp luật của Bị đơn ông Hoàng Minh N - TGĐ Công ty Đầu tư V trình bày:

+ Những sai phạm của Công ty W trong quá trình thực hiện Hợp đồng số: 2806/2019/HĐXD/V – BT: Ngày 28/06/2013 Công ty V ký Hợp đồng thi công xây dựng số 2806/2019/HĐXD/V-BT với Công ty Cổ phần W Việt Nam về việc Thi công lắp đặt trần thạch cao, sơn tốt nội thất, ngoại thất Dự án P Hotel Quảng Binh, thời gian thực hiện 90 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng. Sau khi ký Hợp đồng, ngày 11/07/2014 Công ty V đã chuyển tạm ứng cho Công ty W số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn). Ngoài ra trong quá trình thực hiện Hợp đồng do Công ty W có khó khăn về tài chính nên Công ty V đã ký Phụ lục Hợp đồng số 01 tạm ứng tiếp cho Công ty W số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn) vào ngày 30/08/2019. Đồng thời, khi thực hiện Hợp đồng Công ty W phải thực hiện bảo lãnh Hợp đồng và bảo lãnh tiền tạm ứng theo quy định. Các nghĩa vụ Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng và Bảo lãnh tiền tạm ứng được Ngân hàng TMCP S - CN Đ - PGD Q (Ngân hàng S) bảo lãnh qua các chứng thư bảo lãnh: Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng số MD xxxxxxxxx ngày 04/07/2019 với giá trị bảo lãnh 200.000.000 đồng, Bảo lãnh tiền tạm ứng Số MDyyyyyyyyy ngày 04/07/2019 với giá trị bảo lãnh 200.000.000 đồng, Bảo lãnh tiền tạm ứng số MDnnnnnnnn ngày 29/08/2019 với giá trị bảo lãnh 150.000.000 đồng.

Công ty V đã bàn giao mặt bằng, hồ sơ thiết kế và luôn tạo điều kiện tốt nhất về tài chính cho Công ty W thực hiện các hạng mục trong Hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên, trong quá trình thi công, Công ty W thực hiện rất chậm không đáp ứng được tiến độ Hợp đồng, nguyên nhân là do năng lực thi công còn quá yếu, Công ty W

không có thiện chí trong việc thực hiện Hợp đồng. Mặc dù, Công ty V đã rất nhiều lần gửi văn bản (văn bản số 07/VBS-KHĐT ngày 23/08/2019, số 09/VBSKHĐT ngày 12/09/2019, số 11/VBSKHĐT ngày 04/10/2019) và tổ chức họp yêu cầu Công ty Wall bổ sung nhân lực, nghiêm túc thực hiện Hợp đồng theo đúng tiên độ đã cam kết (Biên bản ngày 27/08/2019) nhưng Công ty W vẫn thường xuyên vi phạm Hợp đồng, không bố trí hoặc không bố trí đủ nhân lực để thi công. Bên cạnh đó, Ban điều hành công trường thường xuyên nhắc nhở, lập biên bản vi phạm về nhân lực, tiến độ (Biên bản ngày 30/08/2019, Biên bản ngày 10/09/2019, Biên bản ngày 30/09/2019, Biên bản ngày 14/10/2019, Biên bản ngày 20/10/2019, Biên bản ngày 07/11/2019, Biên bản ngày 08/11/2019, Biên bản ngày 09/11/2019) nhưng Công ty W vẫn không khắc phục hoặc cố ý không thực hiện, làm chậm tiến độ Hợp đồng. Công ty chúng tôi đã gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng đến 31/12/2019. Tuy nhiên, đến ngày 09/11/2019 Công ty W tự ý chở vật tư và rút toàn bộ nhân lực ra khỏi công trường, dừng thi công trên công trường, không tiếp tục thực hiện Hợp đồng, vi phạm các điều khoản Hợp đồng số 2806/2019/HĐXD/VBSBT. Ban điều hành công trình đã lập các Biên bản ngày 09/11/2019, Biên bản ngày 10/11/2019, Biên bản ngày 11/11/2019) và Công ty V đã gửi các văn bản số 19/VBS-KHĐT ngày 09/11/2019, số 20/VBS-KHĐT ngày 11/11/2019, số 22/VBSKHĐT ngày 18/11/2019 yêu cầu Công ty W triển khai thi công trở lại nhưng đến nay Công ty W vẫn không thực hiện. Việc tự ý dừng thi công của Công ty W thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện Hợp đồng, vi phạm nghiêm trọng điều khoản Hợp đồng đã ký kết, làm ảnh hưởng đến tiến độ Dự án, gây thiệt hại về kinh tế cho Công ty chúng tôi, Công ty W phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đền bù thiệt hại do hậu quả không tiếp tục thực hiện Hợp đồng gây ra.

Như vậy có thể nhận thấy rõ rằng Công ty W đã có những vi phạm trong quá trình thi công, bỏ dỡ công trình, thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện Hợp đồng nhưng lại đưa ra những yêu cầu không trung thực, không đúng, không có cơ sở.

+ Công ty V đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới chấp nhận giải quyết những nội dung sau:

Buộc Công ty W phải hoàn trả toàn bộ số tiền dư tạm ứng 156.542.802 đồng: Theo Hồ sơ thanh toán, Ban điều hành công trình xác nhận khối lượng cho Công ty cổ phần W (Hồ sơ thanh toán đính kèm). Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng tất cả các hạng mục mà Công ty W đã thực hiện tại công trường tham chiếu theo Hợp đồng chưa có hạng mục nào hoàn thiện và vẫn đang còn dở dang, cụ thể:

- Hạng mục Sơn tường nội thất: Công ty W chỉ mới hoàn thiện phần vệ sinh bề mặt, bả matit 02 lớp đạt 25% khối lượng công việc của hạng mục.

- Hạng mục Sơn tường ngoại thất: Công ty W chỉ mới hoàn thiện phần vệ sinh bề mặt, bả matit 02, sơn lót chống kiềm 01 lớp đạt 50% khối lượng công việc của hạng mục.

| Trong khi đó yêu cầu thi công theo Hợp đồng là phải hoàn thiện vệ sinh bề mặt, bả matit 02 lớp, sơn lót chống kiềm 01 lớp và sơn phủ 02 lớp đạt yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật.

Các hạng mục công việc này phải đảm yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật theo quy định tại Nghị định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, mới được thanh toán theo quy định Hợp đồng. Tuy nhiên, để tạo điều kiện hỗ trợ tối đa cho Công ty W có nguồn tài chính để thi công, mặc dù tất cả các hạng mục công việc mà Công ty W đã thực hiện đều là khối lượng dỡ dang, không đủ điều kiện nghiệm thu, thanh toán theo quy định Hợp đồng. Công ty V đã ước đạt giá trị mà Công ty W thống kê toàn bộ khối lượng đã thực hiện, đề xuất và thanh toán hết giá trị cho Công ty W số tiền 193.457.198 đồng (Một trăm chín mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm chín mươi tám đồng) theo Hồ sơ thanh toán.

Theo các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng, Công ty V đã chuyển cho Công ty W số tiền tạm ứng 350.000.000 đồng (Ủy nhiệm chi ngày 11/07/2019 tạm ứng số tiền 200.000.000 đồng và ngày 30/08/2019 tạm ứng số tiền 150.000.000 đồng của Ngân hàng V chi nhánh Quảng Bình). Như vậy, Công ty W đã được thanh toán, khấu trừ số tiền 193.457.198 đồng và Công ty W còn nợ Công ty VBS số tiền dư tạm ứng 156.542.802 đồng. Số tiền này được Ngân hàng S cam kết bảo lãnh theo bảo lãnh tạm ứng số MDyyyyyyyyy ngày 04/07/2019 nhưng do hiện tại TAND thành phố Đồng Hới đang áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với Thư bảo lãnh này nên Ngân hàng Sacombank chưa thể thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo cam kết và hoàn trả cho Công ty V số tiền 156.542.802 đồng.

| Vì vậy, Công ty V đề nghị TAND thành phố Đồng Hới buộc Công ty W phải hoàn trả số tiền 156.542.802 đồng hoặc ra Quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với Thư bảo lãnh này để Ngân hàng S thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Thư bảo lãnh tiền tạm ứng số MDyyyyyyyy ngày 04/07/2019 để đảm bảo quyền lợi cho Công ty V.

+ Trong văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty V có yêu cầu buộc Công ty W phải bồi thường thiệt hại cho Công ty V số tiền 350.000.000 đồng do vi phạm nghiêm trọng điều khoản Hợp đồng đã ký kết: Theo quy định tại Điều 7 Phạt vi phạm Hợp đồng có ghi: "Bên B thi công chậm tiến độ theo cam kết trong Hợp đồng hoặc tự ý dừng thi công không có lý do thi sẽ chịu phạt 10.000.000 đồng/ngày chậm tiến độ hoặc dừng thi công không có lý do". Như đã nêu ở các nội dung trên, Công ty W đã tự ý dừng thi công không có lý do 35 ngày từ ngày 09/11/2019 đến ngày 14/12/2019 tương đương mức phạt 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn) theo quyết định xử phạt số 27/QĐ-V ngày 15/12/2019 của Công ty V. Công ty V đã yêu cầu Ngân hàng S thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh Hợp đồng thanh toán cho V số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn) nhưng do hiện tại TAND thành phố Đồng Hới đang áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với Thư bảo lãnh này nên Ngân hàng S chưa thể thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo cam kết thanh toán cho Công ty V số tiền 200.000.000 đồng.

Vì vậy, Công ty V không thực hiện thủ tục yêu cầu phản tố buộc Công ty W bồi thường vi phạm Hợp đồng cho Công ty V với số tiền 350.000.000 đồng; V sẽ yêu cầu Ngân hàng S thực hiện nghĩa vụ Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng hợp đồng

và Bảo lãnh thanh toán cho Công ty V số tiền 200.000.000 đồng và số tiền còn lại 156.542.802 đồng Công ty W phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty V.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đ - Phòng giao dịch Q đã được Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhưng xin được vắng mặt trong các phiên hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt. Tại Văn bản số 62/CV-PGDQH ngày 09/12/1019 gửi Tòa án có nội dung Ngân hàng đã thực hiện tạm ngừng việc thanh toán hoàn trả tiền bảo lãnh qua các chứng thư bảo lãnh: Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng số MD1918547236 ngày 04/07/2019, Bảo lãnh tiền tạm ứng Số MD1918547237 ngày 04/07/2019 và các thư tu chỉnh bảo lãnh ngày 01/10/2019 (tu chỉnh các thư bảo lãnh nói trên) theo quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2019/QĐ-BPKCTT ngày 29/11/2019 của TAND thành phố Đồng Hới và Quyết định thi hành án chủ động số 344/QĐ-CCTHADS ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng xây dựng tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, bị đơn và nơi thực hiện hợp đồng đều ở Thành phố Đồng Hới, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về Hợp đồng và quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 28/6/2019, Công ty cổ phần W Việt Nam có ký hợp đồng số: 2806/2019/HĐXD/VBS BT với Công ty cổ phần đầu tư V Group về việc thi công hoàn thiện trần thạch cao và sơn bã (sơn tít) nội ngoại thất công trình P Hotel Quảng Bình với thời gian thi công là 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng; sau đó hai bên đã ký Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 28/8/2019 về việc tạm ứng hợp đồng và Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 24/9/2019 về việc Gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, điều chỉnh thời gian hiệu lực của Bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tiền tạm ứng đến ngày 31/12/2019. Hợp đồng được ký kết giữa hai chủ thể có đầy đủ năng lực pháp luật, trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật và đạo đức xã hội... tuân theo đúng quy định của Bộ luật Dân sự 2015, Luật xây dựng 2003 và Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ, hai bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo giao kết.

Theo cam kết trong hợp đồng Bên B (Công ty W) có trách nhiệm tập kết đầy đủ vật tư thi công và bên A (Công ty V) bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công của từng sàn cho bên B…Tuy nhiên hợp đồng không có thỏa thuận về thời điểm bàn giao mặt bằng của từng hạng mục.

Trong quá trình thực hiện bên B đã tập kết vật tư, điều nhân công đến công trường để thi công, tiến hành thi công hai phòng mẫu chờ chủ đầu tư phê duyệt. Khi có sự đồng ý của Công ty V, Công ty W đã tiến hành thi công đại trà. Ngày 23/8/2019, công ty V gửi công văn đề nghị Công ty W bổ sung nhân lực; tuy nhiên

vì mặt bằng không đủ điều kiện thi công hoặc có nhưng quá ít, ngày 24/8/2019 Công ty W đã có công văn đề nghị Công ty V hoàn thiện hồ sơ thi công và bàn giao mặt bằng. Ngày 23/9/2019, Công ty V có Công văn số 10/VBS - KHĐT đề nghị gia hạn hợp đồng và gia hạn các thư bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Lúc này, công ty V chưa ký hồ sơ thanh toán và xác nhận khối lượng thi công thực tế tại công trường nên Công ty W đồng ý gia hạn thời gian thực hiện, các bên tiến hành ký phụ lục 02. Để đảm bảo đáp ứng tiến độ, Công ty W đã cùng làm việc với ban điều hành công trình, đại diện là ông Phan Trung T - Giám đốc ban có sự chứng kiến của đại diện công ty V và cùng lập biên bản làm việc về việc bàn giao mặt bằng và tiến độ thi công biên bản đề ngày 29/9/2019 có ghi rõ các mốc thời gian bàn giao, vị trí bàn giao và trách nhiệm các bên cùng quy chế thưởng phạt rõ ràng. Tuy nhiên, bên A (Công ty V) không thực hiện giao mặt bằng thi công theo thỏa thuận tại biên bản ngày 29/9/2019; đên ngày 09/11/2019 V đơn phương lập và gửi đề nghị Công ty W xác nhận. Tất cả các yêu cầu của Công ty V đã được Công ty W trả lời rõ ràng tại công văn số 1311A/CV - CT ngày 13/11/2019 và do không nhận được công văn trả lời của Công ty VBS về ý kiến của Công ty W liên quan đến bản vẽ, mặt bằng thi công nên đến ngày 15/11/2019 Công ty W đã phải cho công nhân tạm nghỉ để chờ việc. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên A không bàn giao mặt bằng để thi công theo đúng tiến độ nhưng hai bên không có sự bàn bạc thương lượng với nhau, hai bên đã tự chấm dứt hợp đồng.

Công ty W khởi kiện đòi Công ty V phải bồi thường thiệt hại nhưng tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Công ty V phải trả số tiền 190.000.000 đồng. Việc thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và trong phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận đình chỉ xét xử phần yêu cầu của nguyên đơn đã rút. Công ty V tuy cho rằng Công ty W tự ý chấm dứt hợp đồng và tự ra quyết định xử phạt Công ty W số tiền 350.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hướng dẫn bị đơn phản tố, nhưng bị dơn không thực hiện phản tố. Hai bên không tranh chấp về việc hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu thanh toán khối lương thi công dỡ dang của nguyên đơn, hội đồng xét xử nhận thấy: Theo quy định tại Điều 5 Hợp đồng quy định về tạm ứng và thanh toán thì sau ngày 25 hàng tháng bên A xác nhận khối lượng và thanh toán cho bên B phần khối lượng bên B thực hiện và từ tạm ứng. Theo đó Công ty W đã thi công thực tế tại Công trình đã được BĐH công trường và đại diện công ty V xác nhận nghiệm thu khối lượng 2 lần vào ngày 27/10/2019 và 02/11/2019 có bảng chi tiết khối lượng kèm theo và đánh gía về khối lượng và chất lượng công việc đã thực hiện đạt các yêu cầu về chất lượng. Sau đó khối lượng hoàn thành nghiệm thu theo biên bản ngày 02/11/2019 đã được Công ty V phê duyệt là 214.952.442 đồng (đã thanh toán 90% giá trị là 193.457.155 đồng khấu trừ tạm ứng). Riêng khối lượng hoàn thành đã được nghiệm thu theo biên bản ngày 27/10/2019 Công ty W đã căn cứ khối lượng và đơn giá đã được Công ty V chấp nhận thanh toán ngày 0/11/2019 để tính giá trị đề nghị thanh toán là 143.302.126 đồng nhưng Công ty V không phê duyệt và thanh toán cho Công ty W. Hội đồng

xét xử thấy có đầy đủ căn cứ để xác định khối lượng Công ty W đã thực hiện dỡ dang được BĐH Công trường xác nhận nghiệm thu có giá trị là 358.254.520 đồng; cần buộc Công ty V phải thanh toán toàn bộ giá trị này cho Công ty W. Khấu trừ số tiền 350.000.000 đồng Công ty W đã được Công ty V cho tạm ứng buộc Công ty V phải trả số tiền còn thiếu là 8.254.520 đồng.

[2.3] Cùng với việc nộp đơn khởi kiện Công ty W có yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng", Tòa án đã ra quyết định Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng" quy định tại Điều 124 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tạm ngừng việc thực hiện thanh toán hoàn trả tiền tạm ứng hợp đồng theo Bảo lãnh tiền tạm ứng số MD 1918547237 ngày 04/7/2019 và hoàn trả tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số MD 1918547236 ngày 04/7/2019 và các Thư tu chỉnh bảo lãnh ngày 01/10/2019 (tu chỉnh các thư bảo lãnh nói trên) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh Đ, PGD Q. Cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời 03/2019/QĐ-BPKCTT ngày 29/11/2019 của TAND thành phố Đồng Hới cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.4] Về án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần W Việt Nam không phải chịu án phí; Công ty Cổ phần Đầu tư V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[2.5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, 39, Điều 147, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Áp dụng Điều 4 Luật Thương mại; các Điều 107, 108, 109, 110 Luật Xây dựng 2003; các Điều 275, 398, 401, 428, 429, 468 Bộ luật Dân sự 2015; tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần W Việt Nam đối với Công ty Cổ phần đầu tư V đòi bồi thường thiệt hại số tiền 190.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần W Việt Nam; buộc Công ty Cổ phần đầu tư V phải thanh toán khối lượng đã thi công cho Công ty Cổ phần W Việt Nam tổng cộng 358.254.520 đồng. Số tiền phải thanh toán được khấu trừ 350.000.000 đồng Công ty Cổ phần W Việt Nam đã được Công ty Cổ phần đầu tư V chi tạm ứng. Công ty Cổ phần đầu tư V còn phải trả cho Công ty Cổ phần W Việt Nam số tiền 8.254.520 đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải

chịu thêm một khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền còn chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2019/QĐ-BPKCTT ngày 29/11/2019 của TAND thành phố Đồng Hới cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần W Việt Nam không phải chịu. Trả lại cho Công ty Cổ phần W Việt Nam số tiền 8.332.500 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự TP Đồng Hới theo biên lai số AA/2017/ 0005383 ngày 29/11/2019.

Công ty Cổ phần đầu tư V phải chịu 3.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Đồng Hới;
- TAND tỉnh QB;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Hồng Sơn